

## **THÔNG BÁO LIÊN QUAN ĐẾN LÃI SUẤT CHO VAY CƠ BẢN (“BLR”) ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP**

**Ngày hiệu lực: 04/11/2019**

Trong trường hợp lãi suất của khoản vay theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiện Ích liên quan là **BLR + Lãi Biên\***, Quý Khách vui lòng tham khảo thông tin BLR dưới đây.

| <b>Thời hạn vay</b> | <b>USD BLR (%)</b> | <b>VND BLR (%)</b> |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Qua đêm</b>      | 4.07               | 4.30               |
| <b>1 tuần</b>       | 4.15               | 4.90               |
| <b>2 tuần</b>       | 4.20               | 4.89               |
| <b>1 tháng</b>      | 4.30               | 4.85               |
| <b>2 tháng</b>      | 4.36               | 4.79               |
| <b>3 tháng</b>      | 4.42               | 4.72               |
| <b>4 tháng</b>      | 4.40               | 4.74               |
| <b>5 tháng</b>      | 4.38               | 4.76               |
| <b>6 tháng</b>      | 4.37               | 4.78               |
| <b>7 tháng</b>      | 4.34               | 4.81               |
| <b>8 tháng</b>      | 4.32               | 4.83               |
| <b>9 tháng</b>      | 4.29               | 4.86               |
| <b>10 tháng</b>     | 4.28               | 4.83               |
| <b>11 tháng</b>     | 4.26               | 4.80               |
| <b>12 tháng</b>     | 4.24               | 4.77               |

\* Lãi Biên được xác định theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiện Ích.

**Lưu ý:**

Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng của Ngân Hàng sẽ thông báo riêng với Quý Khách BLR của khoản vay trong trường hợp:

- (i) Các khoản vay trị giá trên 10 tỷ VNĐ hoặc trên 01 triệu USD; và/hoặc
- (ii) Thời hạn khoản vay trên 1 năm; và/hoặc
- (iii) Các khoản vay bằng các loại ngoại tệ khác.